BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04-05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06-25
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-25
Phụ lục 01: Danh mục đầu tư chứng khoán ngắn hạn	26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Công ty được cấp Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 8, Tòa nhà Daeha, 360 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Minh Thành	Chủ tịch	
Ông	Lê Đình Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/01/2015
Bà	Lê Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/01/2015
Bà	Hoàng Thị Hồng Tứ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/01/2015
Bà	Đinh Ánh Phượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/01/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Quang Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/06/2015
Ông	Trịnh Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/03/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Công ty được cấp Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 8, Tòa nhà Daeha, 360 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Minh Thành	Chủ tịch	
Ông	Lê Đình Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/01/2015
Bà	Lê Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/01/2015
Bà	Hoàng Thị Hồng Tứ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/01/2015
Bà	Đinh Ánh Phượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/01/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Quang Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/06/2015
Ông	Trịnh Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/03/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Lê Minh Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Số: 1357/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Tại ngày 30/06/2015, Công ty đang sở hữu một khoản đầu tư 2.440.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương với tổng giá trị đầu tư là 24.440.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 4,07% là không phù hợp với quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ.

- Ngày 29/5/2015, Chủ tịch UBCKNN ban hành Quyết định số 454/QĐ-UBCK về việc đặt Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương vào tình trạng kiểm soát đặc biệt do không đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Thời gian kiểm soát đặc biệt từ ngày 29/5/2015 đến ngày 29/9/2015. Trên Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 số 1358/2015/BC.KTTC-AASC.KT2 ngày 20 tháng 08 năm 2015 cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương, tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 là 95,97%.

- Trong tháng 7/2015 Công ty đã tiến hành thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới và ghi nhận số lỗ của nghiệp vụ thanh lý này là 26.066.760.340 đồng. Chi tiết xem Thuyết minh số 08 và Thuyết minh số 25.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng	**Vũ Xuân Biển**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1	Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**31.434.355.581**	**70.944.168.938**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**3.707.554.668**	**40.272.532.494**
111	1. Tiền		3.707.554.668	38.027.761.661
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.244.770.833
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**27.198.448.630**	**30.035.948.630**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		30.035.948.630	30.035.948.630
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.837.500.000)	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**528.352.283**	**635.687.814**
134	4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5	510.511.808	607.546.659
135	5. Các khoản phải thu khác	6	617.840.475	628.141.155
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(600.000.000)	(600.000.000)
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**29.654.587.064**	**3.000.656.083**
220	**II. Tài sản cố định**		**48.822.220**	**60.088.888**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	48.822.220	60.088.888
222	*- Nguyên giá*		*67.600.000*	*67.600.000*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(18.777.780)*	*(7.511.112)*
250	**III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**8**	**29.020.177.217**	**2.140.177.217**
251	1. Đầu tư vào công ty con		35.280.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	8.400.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		2.511.644.800	2.511.644.800
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.771.467.583)	(8.771.467.583)
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**585.587.627**	**800.389.978**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	487.856.027	702.658.378
268	3. Tài sản dài hạn khác		97.731.600	97.731.600
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**61.088.942.645**	**73.944.825.021**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.194.689.482**	**9.110.201.295**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**1.194.689.482**	**9.110.201.295**
312	2. Phải trả người bán		587.382.302	103.619.939
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	19.136.641	8.354.077.313
315	5. Phải trả người lao động		94.916.623	174.727.227
316	6. Chi phí phải trả		106.686.600	78.000.000
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	28.922.021	24.731.521
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		357.645.295	375.045.295
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**12**	**59.894.253.163**	**64.834.623.726**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	35.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		297.571.576	297.571.576
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		595.143.152	595.143.152
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.001.538.435	28.941.908.998
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**61.088.942.645**	**73.944.825.021**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
006	6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		2.339.800.000	2.270.000.000
007	*6.1. Chứng khoán giao dịch*		*2.270.000.000*	*2.270.000.000*
008	*6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch*		*69.800.000*	-
020	7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		38.522.540.000	30.912.340.000
030	8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	13	2.804.962.705	1.795.123.128
031	- *Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước*		*2.804.962.705*	*1.795.123.128*
040	9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	14	303.035.312.000	423.067.926.350
041	- *Nhà đầu tư ủy thác trong nước*		*303.035.312.000*	*423.067.926.350*
050	10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	15	52.800.000.000	106.000.000.000
051	11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	16	296.578.852	393.613.701

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Trần Thị Hường
Phụ trách kế toán

Lê Minh Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
01	**1. Doanh thu**	**17**	**158.509.207**	**4.733.111.827**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	-
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**	**17**	**158.509.207**	**4.733.111.827**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	**18**	**643.221.964**	**1.840.736.634**
20	**5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**(484.712.757)**	**2.892.375.193**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	77.083.745	917.334.094
22	7. Chi phí tài chính	20	2.837.500.000	890.919.040
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.695.241.551	1.482.373.824
30	**9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(4.940.370.563)**	**1.436.416.423**
31	10. Thu nhập khác		-	128.180.556
40	**12. Lợi nhuận khác**		-	**128.180.556**
50	**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(4.940.370.563)**	**1.564.596.979**
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	344.211.335
60	**16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(4.940.370.563)**	**1.220.385.644**
70	**17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**23**	**(1.412)**	**349**

Trần Thị Hường
Phụ trách kế toán

Lê Minh Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		133.082.762	3.872.142.818
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(406.781.587)	(1.054.794.952)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.013.787.566)	(1.328.866.547)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.285.384.938)	(1.563.046.790)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.721.387	1.491.589.647
07	7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(202.171.309)	(1.679.790.226)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(9.771.321.251)***	***(262.766.050)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(26.880.000.000)	(6.116.216.600)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	13.674.968.122
27	7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		86.343.425	839.756.361
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(26.793.656.575)***	***8.398.507.883***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(36.564.977.826)**	**8.135.741.833**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ**		**40.272.532.494**	**20.835.253.934**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**	**3**	**3.707.554.668**	**28.970.995.767**

S.G.P: 01 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Trần Thị Hường
Phụ trách kế toán

Lê Minh Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 tháng đầu năm 2015	**Thuyết minh**	**01/01/2015**	**Tăng trong kỳ**	**Giảm trong kỳ**	**30/06/2015**
		VND	**VND**	**VND**	**VND**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		297.571.576	-	-	297.571.576
8. Quỹ dự phòng tài chính		595.143.152	-	-	595.143.152
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.941.908.998	(4.940.370.563)	-	24.001.538.435
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	**12**	**64.834.623.726**	**(4.940.370.563)**	**-**	**59.894.253.163**

6 tháng đầu năm 2014	**Thuyết minh**	**1/1/2014**	**Tăng trong kỳ**	**Giảm trong kỳ**	**6/30/2014**
		VND	**VND**	**VND**	**VND**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	297.571.576	-	297.571.576
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	595.143.152	-	595.143.152
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.951.431.526	1.220.385.644	(1.651.522.248)	5.520.294.922
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	**12**	**40.951.431.526**	**2.113.100.372**	**(1.651.522.248)**	**41.413.009.650**

Trần Thị Hường
Phụ trách kế toán

Lê Minh Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thái Bình Dương tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Công ty được cấp Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 8, Tòa nhà Daeha, 360 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng; tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Các quy định của Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa ban hành các hướng dẫn thay thế cho Thông tư 125/2011/TT-BTC. Do vậy Công ty vẫn áp dụng các quy định tại Thông tư 125/2011/TT-BTC cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng 03 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.8 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Các chi phí đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.14 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	39.549.395	-
Tiền gửi ngân hàng	3.668.005.273	38.027.761.661
Các khoản tương đương tiền	-	2.244.770.833
	3.707.554.668	**40.272.532.494**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	30.035.948.630	30.035.948.630
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.837.500.000)	-
	27.198.448.630	**30.035.948.630**

Danh mục đầu tư và tình hình tăng giảm đầu tư chứng khoán ngắn hạn được chi tiết trong Phụ lục 01

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	326.374.131	326.374.131
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	184.137.677	281.172.528
	510.511.808	**607.546.659**

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng (1)	600.000.000	600.000.000
Phải thu Công ty TNHH Đầu tư tài chính HAPACO	17.640.475	17.640.475
Phải thu khác	200.000	10.500.680
	617.840.475	**628.141.155**

(1) Khoản phải thu tồn đọng khó thu hồi, Công ty đã trích lập dự phòng 100%.

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là ghế Calia có nguyên giá 67.600.000 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2015 là 18.777.780 đồng, trong đó khấu hao trong 06 tháng đầu năm 2015 là 11.266.668 đồng.

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (1)	35.280.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	8.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác (2)	2.511.644.800	2.511.644.800
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.771.467.583)	(8.771.467.583)
	29.020.177.217	**2.140.177.217**

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới	6.259.822.783	6.259.822.783
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	2.511.644.800	2.511.644.800
	8.771.467.583	**8.771.467.583**

(1) Tại ngày 31/12/2014, Công ty đầu tư 8.400.000.000 đồng để nắm giữ 420.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 35% của Công ty Cổ phần Vui chơi thế hệ mới. Trong kỳ, Công ty đầu tư thêm 26.880.000.000 đồng để mua thêm 768.000 cổ phần theo hợp đồng số 72/2015/HĐCN/MK-PAMCO ngày 31/03/2015 nâng tỷ lệ sở hữu lên thành 99%.

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới tại ngày 31/12/2014 và ngày 30/06/2015 với cùng số tiền là 6.259.822.783 đồng, căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 (chưa được kiểm toán) của Công ty Cổ phần Vui chơi thế hệ mới.

(2) Đầu tư tài chính dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 224.254 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 7%. Tại ngày 30/06/2015, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư này căn cứ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	77.189.363	137.991.712
Chi phí sửa chữa văn phòng chờ phân bổ	410.666.664	564.666.666
	487.856.027	**702.658.378**

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	8.285.384.938
Thuế Thu nhập cá nhân	19.136.641	68.692.375
	19.136.641	**8.354.077.313**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	4.810.000	-
Phải trả khác	24.112.021	24.731.521
	28.922.021	**24.731.521**

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	**VND**
6 tháng đầu năm 2014					
Tại ngày 01/01/2014	35.000.000.000	-	-	5.951.431.526	40.951.431.526
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.220.385.644	1.220.385.644
Phân phối lợi nhuận	-	297.571.576	595.143.152	(1.651.522.248)	(758.807.520)
Tại ngày 30/06/2014	**35.000.000.000**	**297.571.576**	**595.143.152**	**5.520.294.922**	**41.413.009.650**
6 tháng đầu năm 2015					
Tại ngày 01/01/2015	35.000.000.000	297.571.576	595.143.152	28.941.908.998	64.834.623.726
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(4.940.370.563)	(4.940.370.563)
Tại ngày 30/06/2015	**35.000.000.000**	**297.571.576**	**595.143.152**	**24.001.538.435**	**59.894.253.163**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Bà Hoàng Thị Hồng Tứ	21.910.000.000	62,60%	21.910.000.000	62,60%
Ông Lê Minh Thành	11.550.000.000	33,00%	11.550.000.000	33,00%
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	1.540.000.000	4,40%	1.540.000.000	4,40%
	35.000.000.000	**100%**	**35.000.000.000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000
- *Vốn góp đầu kỳ*	*35.000.000.000*	*35.000.000.000*
- *Vốn góp cuối kỳ*	*35.000.000.000*	*35.000.000.000*

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*3.500.000*	*3.500.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*3.500.000*	*3.500.000*
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

13 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.795.123.128	24.162.960.514
Số tăng trong kỳ	1.238.389.739	579.149.964.383
Số giảm trong kỳ	(228.550.162)	(585.278.099.328)
Số dư cuối kỳ	**2.804.962.705**	**18.034.825.569**

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	2.804.962.705	1.795.123.128
	2.804.962.705	**1.795.123.128**

14 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	303.035.312.000	423.067.926.350
- *Chứng khoán niêm yết*	*76.715.812.000*	*162.744.528.400*
- *Chứng khoán chưa niêm yết*	*226.319.500.000*	*260.323.397.950*
	303.035.312.000	**423.067.926.350**

15 . CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu tiền đã chuyển mua cổ phiếu	52.800.000.000	106.000.000.000
	52.800.000.000	**106.000.000.000**

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả phí lưu ký	296.578.852	-
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	-	393.613.701
	296.578.852	**393.613.701**

17 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	**158.509.207**	**4.733.111.827**
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	4.733.111.827
- Doanh thu khác	158.509.207	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	**158.509.207**	**4.733.111.827**

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	484.163.647	1.840.736.634
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	159.058.317	-
	643.221.964	**1.840.736.634**

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	77.083.745	840.103.094
Lãi đầu tư chứng khoán	-	77.231.000
	77.083.745	**917.334.094**

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán	-	2.615.154
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.837.500.000	888.303.886
	2.837.500.000	**890.919.040**

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	591.591.657	796.703.917
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	220.397.351	184.818.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.266.668	-
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	-
Chi phí khác bằng tiền	866.985.875	500.851.207
	1.695.241.551	**1.482.373.824**

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.940.370.563)	1.564.596.979
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(4.940.370.563)	1.564.596.979
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	-	344.211.335
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	**-**	**344.211.335**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	8.285.384.938	1.450.507.741
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(8.285.384.938)	(1.563.046.790)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	**-**	**231.672.286**

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(4.940.370.563)	1.220.385.644
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.940.370.563)	1.220.385.644
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(1.412)**	**349**

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.707.554.668	-	40.272.532.494	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác	1.128.352.283	(600.000.000)	1.235.687.814	(600.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	30.035.948.630	(2.837.500.000)	30.035.948.630	-
Đầu tư dài hạn	2.511.644.800	(2.511.644.800)	2.511.644.800	(2.511.644.800)
	37.383.500.381	**(5.949.144.800)**	**74.055.813.738**	**(3.111.644.800)**

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	616.304.323	128.351.460
Chi phí phải trả	106.686.600	78.000.000
	722.990.923	**206.351.460**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.707.554.668	-	-	3.707.554.668
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	528.352.283	-	-	528.352.283
Đầu tư ngắn hạn	27.198.448.630	-	-	27.198.448.630
	31.434.355.581	-	-	**31.434.355.581**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.272.532.494	-	-	40.272.532.494
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	635.687.814	-	-	635.687.814
Đầu tư ngắn hạn	30.035.948.630	-	-	30.035.948.630
	70.944.168.938	-	-	**70.944.168.938**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	616.304.323	-	-	616.304.323
Chi phí phải trả	106.686.600	-	-	106.686.600
	722.990.923	-	-	**722.990.923**
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	128.351.460	-	-	128.351.460
Chi phí phải trả	78.000.000	-	-	78.000.000
	206.351.460	-	-	**206.351.460**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đã bán lại 1.028.294 cổ phần vào ngày 15/7/2015 và 159.706 cổ phần vào ngày 27/7/2015 của khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới cho Công ty TNHH Một thành viên Mika theo 2 hợp đồng số 1507/2015/H Đ-PAMCO và 2707/2015/H Đ-PAMCO và ghi nhận khoản lỗ là 26.066.760.340 đồng đồng vào Kết quả kinh doanh của năm 2015.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm hoạt động nhận quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư và phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

27 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 29/5/2015, Chủ tịch UBCKNN ban hành Quyết định số 454/QĐ-UBCK về việc đặt Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương vào tình trạng kiểm soát đặc biệt do không đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Thời gian kiểm soát đặc biệt từ ngày 29/5/2015 đến ngày 29/9/2015.

Tại ngày 30/06/2015, Công ty đang sở hữu một khoản đầu tư 2.440.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương với tổng giá trị đầu tư là 24.440.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 4,07% là không phù hợp với quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới	Công ty con

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Đầu tư vốn		
Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới	26.880.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	196.098.732	373.123.547

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

S.G.P : 01 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Trần Thị Hường
Phụ trách kế toán

Lê Minh Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2015

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
			30.035.948.630	**30.035.948.630**	-	**363.200.000**	**(2.837.500.000)**	-	**27.198.448.630**	**30.399.148.630**
Chứng khoán niêm yết			5.334.500.000	5.334.500.000	-	363.200.000	(2.837.500.000)	-	2.497.000.000	5.697.700.000
- CTCP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (Mã: OCH)	227.000	227.000	5.334.500.000	5.334.500.000	-	363.200.000	(2.837.500.000)	-	2.497.000.000	5.697.700.000
Chứng khoán hủy niêm yết (*)			301.448.630	301.448.630	-	-	-	-	301.448.630	301.448.630
- CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre	6.980	6.980	301.448.630	301.448.630	-	-	-	-	301.448.630	301.448.630
Chứng khoán chưa niêm yết (**)			24.400.000.000	24.400.000.000	-	-	-	-	24.400.000.000	24.400.000.000
- CTCP Chứng khoán Đại Dương	2.440.000	2.440.000	24.400.000.000	24.400.000.000	-	-	-	-	24.400.000.000	24.400.000.000
			30.035.948.630	**30.035.948.630**	-	**363.200.000**	**(2.837.500.000)**	-	**27.198.448.630**	**30.399.148.630**

Ghi chú:

(*) Đối với các chứng khoán bị hủy niêm yết, theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, giá chứng khoán làm cơ sở trích lập dự phòng là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Do công ty không được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không cần trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này là phù hợp.

(**) Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, do Công ty không thu thập được 03 báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng và không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng nên Công ty không có căn cứ trích lập dự phòng.